TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TH** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 6- 2018
Về việc Ly hôn, con chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sự.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đức Cảnh

2. Ông Hoàng Đắc Hân

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đinh Thị Mến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TH, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TH, thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Th, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 785/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2018/QĐXX-ST ngày 20 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn 6, xã A, huyện Th, thành phố H; Nơi ở hiện nay: thôn 3, xã K, huyện Th, thành phố H; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ngày 18/5/2018.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn Th; Nơi cư trú: thôn 6, xã A, huyện Th, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Vũ Thị Htrình bày: Chị kết hôn với anh Đỗ Văn Th trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện Th, thành phố H vào ngày 27 tháng 02 năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh Thắng tại Thôn 6, xã A , huyện Th, thành phố H. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tin tưởng luôn nghi ngờ nhau dẫn đến vợ

chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh Thắng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng đến giữa năm 2016 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Thôn 3, xã K, huyện TH, thành phố H sinh sống và vợ chồng chị sống ly thân nhau từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Vũ Thị H khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đỗ Văn Th không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Văn Th.

Về con chung: Chị Vũ Thị H trình bày vợ chồng chị có 02 con chung tên Đỗ Văn H, sinh ngày 25/8/2009 và Đỗ Văn Đsinh ngày 24/01/2011. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay anh Thắng trực tiếp nuôi con chung tên Đỗ Văn H, chị Huyền nuôi con chung tên Đỗ Văn Đồng. Khi ly hôn chị H đề nghị được tiếp tục nuôi con chung tên Đỗ Văn Đ, anhTh nuôi con tên Đỗ Văn H. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để chị và anh Th tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Vũ Thị H trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đỗ Văn Th đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai anh Đỗ Văn Th vẫn không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Vũ Thị H.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Vũ Thị Hvắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Đỗ Văn Th đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Vũ Thị H; tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự. Về con chung và tài sản chung đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Bản sao Giấy khai sinh của con Đỗ Văn H, Đỗ Văn Đ; Bản sao Sổ hộ khẩu gia đình; Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Vũ Thị H; Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện TH, thành phố H; Biên bản xác minh tại gia đình anh Đỗ Văn Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Vũ Thị H vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Đỗ Văn Th đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị H và anh Đỗ Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Do mâu thuẫn nên vợ chồng chị H và anh Th đã sống ly thân nhau từ năm 2016 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Vũ Thị H khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đỗ Văn Th không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn anh Đỗ Văn Th. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh Đỗ Văn Th đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trình bày về yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị H. Tài liệu xác minh tại địa phương và gia đình mẹ đẻ anh Đỗ Văn Th thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Vũ Thị H và anh Đỗ Văn Th đã kéo dài từ năm 2015 đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, nên chị Huyền đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Thôn 3, xã K, huyện Th, thành phố H sinh sống từ năm 2016 và vợ chồng chị Huyền, anh Th sống ly thân nhau từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Th đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Như vậy, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Th đã kéo dài trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H, cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn Th.

[3]. Về con chung: Chị Vũ Thị H và anh Đỗ Văn Th có 02 con chung tên Đỗ Văn T, sinh ngày 25/8/ 2009 và Đỗ Văn Đ sinh ngày 24/01/2011. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay anh Th trực tiếp nuôi con chung tên Đỗ Văn T, chị H nuôi con chung tên Đỗ Văn Đ. Khi ly hôn chị H đề nghị được tiếp tục nuôi con chung tên Đỗ Văn Đ, anh Thắng nuôi con tên Đỗ Văn T. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Đỗ Văn Th không có ý kiến trình bày về con chung, tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Tài liệu xác minh tại địa phương và gia đình mẹ đẻ anh Đỗ Văn Th thể hiện từ khi vợ chồng chị H và anh Th sống ly thân nhau đến nay, chị Hlà người trực tiếp nuôi con tên Đỗ Văn Đ, anh Thắng trực tiếp nuôi con chung tên

Đỗ Văn T vẫn đảm bảo tốt. Mặt khác con chung tên Đỗ Văn T có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng anh Th, con chung tên Đỗ Văn Đ có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng chị H để ổn định cuộc sống học tập. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao con tên Đỗ Văn Đ sinh năm 2011 cho chị Vũ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên Đỗ Văn T, sinh năm 2009 cho anh Đỗ Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Vũ Thị H đề nghị Tòa án giải quyết để chị và anh Đỗ Văn Th thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đỗ Văn Th chưa có ý kiến trình bày về cấp dưỡng nuôi con chung, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Chị Vũ Thị H trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đỗ Văn Th chưa có ý kiến trình bày về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Chị Vũ Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn Th.

2. Về con chung: Giao con tên Đỗ Văn Đ sinh ngày 24 tháng 01 năm 2011 cho chị Vũ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên Đỗ Văn T sinh ngày 25tháng 8 năm 2009 cho anh Đỗ Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008504 ngày21 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th thành phố Hải Phòng. Chị Vũ Thị Hđã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Th;
- Chi cục THADS huyện Th;
- UBND xã A, huyện Th,thành phố H;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Sự

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã Kỳ Sơn, huyện Th, TP Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khúc Trọng Quang

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thuỷ Nguyên, ngày 12 tháng 8 năm 2016

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Văn Mạnh

2. Ông Hoàng Đắc Hân

Vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 12 tháng 8 năm 2016, tại phòng nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án thụ lý số 266/2016/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2016 về việc "Ly hôn"giữa:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Tính, sinh năm 1993; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 6, xã Liên Khê, huyện TH, thành phố H; chỗ ở hiện nay: Thôn Niêm Ngoại, xã Kỳ Sơn, huyện TH, thành phố H.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn Tùng, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn 6, xã Liên Khê, huyện TH, thành phố H.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1.Về điều luật áp dụng:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 2 Điều 227; 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009,

Kết quả biểu quyết: 3/3

2.Về nội dung vụ án: Xử :

- Chị Đỗ Thị Tính được ly hôn anh Đỗ Văn Tùng

- Về con chung: Chị Đỗ Thị Tính và anh Đỗ Văn Tùng không có con chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết
- Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị Tính và anh Đỗ Văn Tùng không có tài chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

Kết quả biểu quyết: 3/3

3.Về các vấn đề khác:

- Về án phí: Chị Đỗ Thị Tính phải nộp 200.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000057 ngày 26 tháng 5 năm 2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th thành phố Hải Phòng. Chị Đỗ Thị Tính đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3

HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
Hoàng Đắc Hân - Đỗ Văn Mạnh	**Khúc Trọng Quang**

HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
	Khúc Trọng Quang

HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
Trần Hữu Văn – Đào Hữu Dự	
	Khúc Trọng Quang

Nơi nhận:
- TAND Tp Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã (TT) nơi thực hiện việc ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khúc Trọng Quang